



**BỆNH VIỆN 199**

Y ĐỨC HÀNG ĐẦU - NHIỆM MÀU CUỘC SỐNG

**BỆNH VIỆN 199**  
**KHOA: NỘI TIÊU HOÁ**

**PHIẾU TÓM TẮT THÔNG TIN ĐIỀU TRỊ**  
**BỆNH: VIÊM LOÉT ĐẠI TRÀNG CHẢY MÁU**

| 1   | TRIỆU CHỨNG ( LÂM SÀNG)                                 | CÓ                       | KHÔNG                    |
|-----|---------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|     | Đau bụng                                                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|     | Tiêu chảy nhiều lần/ngày                                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|     | Phân nhầy máu                                           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|     | Sốt (thể nặng)                                          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|     | Gầy sút cân                                             | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|     | Thiếu máu                                               | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|     | Triệu chứng ngoài tiêu hóa (đau khớp, viêm mắt...)      | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|     | Phù do thiếu dinh dưỡng                                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2   | CẬN LÂM SÀNG                                            | CÓ                       | KHÔNG                    |
| 2.1 | Các xét nghiệm cơ bản (Hb, Hct, CRP, VS, điện giải)     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|     | Thiếu máu                                               | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|     | Hội chứng viêm (CRP tăng)                               | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2.2 | X-quang bụng không chuẩn bị (nghi phình giãn đại tràng) | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2.3 | Siêu âm bụng                                            | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2.4 | Nội soi đại tràng (phân loại Baron 0–3)                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2.5 | Sinh thiết mô bệnh học                                  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

|            |                                          |                          |                          |
|------------|------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>2.6</b> | CT scan bụng (khi cần)                   | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <b>3</b>   | <b>CHẨN ĐOÁN</b>                         | <b>CÓ</b>                | <b>KHÔNG</b>             |
|            | Viêm loét trực tràng                     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Viêm loét trực tràng – sigma             | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Viêm loét đại tràng trái                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Viêm loét đại tràng phải                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Viêm loét toàn bộ đại tràng              | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Thể nhẹ                                  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Thể vừa                                  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Thể nặng                                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Phình giãn đại tràng nhiễm độc           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <b>4</b>   | <b>PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ</b>              | <b>CÓ</b>                | <b>KHÔNG</b>             |
|            | 5-ASA đường uống                         | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | 5-ASA đặt hậu môn / thụt                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Corticoid uống                           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Corticoid tĩnh mạch                      | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Kháng sinh                               | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Thuốc ức chế miễn dịch (Azathioprine...) | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Sinh học (Infliximab...)                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Nuôi dưỡng tĩnh mạch (thể nặng)          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Phẫu thuật (khi có chỉ định)             | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <b>5</b>   | <b>TAI BIẾN, BIẾN CHỨNG</b>              | <b>CÓ</b>                | <b>KHÔNG</b>             |
| <b>5.1</b> | <b>Biến chứng</b>                        |                          |                          |
|            | Phình giãn đại tràng nhiễm độc           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Thủng đại tràng                          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Xuất huyết tiêu hóa nặng                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

|            |                                                                  |                          |                          |
|------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|            | Ung thư hóa                                                      | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Suy dinh dưỡng                                                   | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <b>5.2</b> | <b>Không đáp ứng điều trị</b>                                    |                          |                          |
| <b>5.3</b> | <b>Hướng xử trí</b>                                              |                          |                          |
|            | Tăng bậc điều trị (thêm corticoid / ức chế miễn dịch / sinh học) | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Hội chẩn ngoại khoa                                              | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Phẫu thuật cắt đại tràng                                         | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Điều trị hồi sức tích cực                                        | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <b>6</b>   | <b>HƯỚNG DẪN CHĂM SÓC, GIÁO DỤC SỨC KHOẺ</b>                     | <b>CÓ</b>                | <b>KHÔNG</b>             |
|            | Tuân thủ điều trị lâu dài                                        | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Tái khám định kỳ                                                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Duy trì 5-ASA                                                    | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Theo dõi dấu hiệu tái phát                                       | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Chế độ ăn mềm, hạn chế xơ khi đợt cấp                            | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Bổ sung sắt, acid folic                                          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|            | Tầm soát ung thư định kỳ (nội soi)                               | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |